

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HSPT

Ngày: 25/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương

Các Thẩm phán: - Ông Mã Văn Quân

- Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh - Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông
Nông Văn Cường - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng
xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSPT ngày 30 tháng 8 năm 2017
đối với bị cáo Đỗ Văn Ch. Do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Ch đối với bản án
hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố
C, tỉnh Cao Bằng.

Bị cáo kháng cáo: Đỗ Văn Ch

Sinh ngày 03 tháng 10 năm 1977.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ K1, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Phụ trách kỹ thuật tại Doanh nghiệp tư nhân L.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông: Đỗ Văn Đ - (Sinh năm 1937);

Con bà: Đào Thị Th- (Sinh năm 1937),

Đều trú tại: Phường B, thị xã A, tỉnh B5.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình.

Vợ là Đào Thị H- (Sinh năm 1980; Trú tại: tổ K1, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng).

Con: Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2002; con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại Tổ K1, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng từ ngày 28/4/2017.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại không kháng cáo: Ông Lương Văn T- Sinh năm 1994.

Trú tại: Tổ R, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì nội dung vụ án như sau:

Hồi 09 giờ 20 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2017, Công an thành phố C nhận được đơn trình báo của anh Lương Văn T- Sinh năm 1994 (Trú tại: Tổ R, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) trình báo với nội dung: Ngày 12/8/2014, anh T đưa cho Đỗ Văn Ch - Sinh năm 1977 (Trú tại: Tổ K1, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) để Ch lo xin việc cho vợ của T là chị Lý Thị L1- Sinh năm 1993 (Trú tại: Tổ R, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Ch hứa hẹn và viết giấy thỏa thuận sẽ xin việc cho chị L1 vào công tác tại ngành giáo dục, nếu không xin được, Ch sẽ hoàn trả lại tiền. Tuy nhiên, đến năm 2017, Ch vẫn không xin được việc cho chị L1. Anh T đã nhiều lần đòi lại số tiền mà Ch đã nhận, nhưng tính đến ngày 23/01/2017, Ch chỉ trả cho anh T được số tiền là 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng).

Quá trình điều tra xác minh, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã xác định được như sau: Vào khoảng tháng 7 năm 2014, anh T đưa vợ là chị L1 đi nộp hồ sơ thi công chức thì gặp Đỗ Văn Ch tại khu vực ngã ba cầu G

(thuộc tổ K, phường Z, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên Ch đã nói chuyện với vợ chồng anh T, được biết anh T đang có nhu cầu xin việc cho vợ vào công tác tại ngành giáo dục. Ch đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T, vì thời gian gần đây, Ch làm ăn thất thoát thua lỗ, không có tiền để trả cho nhân công. Ch nói dối anh T là có người quen trên Sở giáo dục và hứa hẹn sẽ xin việc cho chị L1. Ch bảo anh T cứ đưa vợ đi nộp hồ sơ, còn việc thi công Ch sau đó Ch sẽ tìm người giúp đỡ. Khoảng một tuần sau, Ch gọi điện thoại cho T nói chuẩn bị số tiền 120.000.000,đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để lo xin việc cho L1. T đồng ý và hẹn gặp Ch tại nhà của T (thuộc tổ R, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) để lấy tiền. Sáng hôm sau, Ch đến nhà của T để nhận số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) với bố của T là ông Lương Văn Kh-Sinh năm 1971 (Trú tại: tổ R, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), trước sự chứng kiến của anh T, chị L1 và mẹ của T là bà Hoàng Thị V- Sinh năm 1974 (Trú tại: tổ R, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Đến ngày 12/8/2014, Ch tiếp tục gọi cho T yêu cầu lấy thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để lo xin việc. T đồng ý và bảo Ch lên nhà T lấy tiền. Lần này, ông bảo Ch viết giấy cam kết đã nhận của ông Kh tổng số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) và thỏa thuận nếu không xin được việc làm phải hoàn trả lại số tiền nói trên. Ch đồng ý viết giấy thỏa thuận. Khoảng một tháng sau, Ch gọi điện báo T đưa hồ sơ xin việc cho Ch, bao gồm: bằng điểm, chứng minh thư nhân dân, bằng tốt nghiệp (Tất cả là bản photocopy) và mẫu chữ ký của chị Lý Thị L1 và bảo chị L1 cứ đi thi, khi vào phòng thi sẽ có người làm bài giúp. Tuy nhiên, số tiền mà Ch đã nhận từ gia đình của T, Ch đã không sử dụng để lo xin việc cho chị L1 mà dùng để trả nợ nhân công. Cụ thể là ngày 25/7/2014, trả cho anh Nguyễn Văn S (Trú tại thị xã Ph, tỉnh Ng) số tiền là: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); Ngày 01/8/2014 trả cho anh Nguyễn Văn H2 (Trú tại thị xã Ph, tỉnh Ng) số tiền là: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và ngày 15/8/2014 trả cho anh La Văn L2 (Trú tại xã D1, huyện H5, tỉnh Cao Bằng) số tiền là: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Còn hồ sơ của chị L1, Ch không nộp, khi đi làm có đem theo và đã làm mất.

Về phần chị L1, đã thi công chức hai lần vào năm 2014 và 2015 nhưng không đỗ và cũng không có ai giúp đỡ khi vào phòng thi. T nghĩ đã bị Ch lừa, nên nhiều lần yêu cầu Ch trả lại tiền. Đến khoảng đầu năm 2016, Ch đến nhà T vay ông Kh 4.000.000đ (bốn triệu đồng), để đi đòi tiền công với chủ công trình để trả lại tiền cho ông Kh. Ông Kh đồng ý đưa tiền cho Ch. Khoảng một tuần sau, Ch lại đến nhà vay

ông Kh thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng) để đi đòi lại tiền, nhưng ông Kh không đồng ý. Sau đó, Ch nhờ T đưa đi đòi tiền công về trả tiền cho ông Kh (vì Ch không có phương tiện đi lại). Đến đoạn chân dốc khách sạn T3 (thuộc phường G1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), Ch nói T chờ ở đây để Ch đi xe của T về nhà lấy giấy ghi công nợ. Về tới nhà, Ch bị một số công nhân đến đòi tiền công nên Ch đã mang chiếc xe mô tô của T đi cầm đồ để lấy số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) trả cho công nhân. Tuy nhiên, do bị T và gia đình nói sẽ tố giác hành vi của Ch đến công an nên ngay ngày hôm sau, Ch đã trả lại số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và chuộc lại chiếc xe máy để trả cho T. Ngày 08/3/2016, Ch đến nhà T viết giấy thỏa thuận sẽ trả lại số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) cho gia đình T, trả làm hai lần: Lần I vào ngày 08/4/2016, lần II vào ngày 08/5/2016, mỗi lần trả 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nhưng đã không thực hiện được. Đến ngày 23/01/2017, Ch mới chỉ trả được cho gia đình T số tiền 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng) nên T đã làm đơn trình báo lên Công an thành phố C đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra, Đỗ Văn Ch đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt còn lại của gia đình anh Lương Văn T là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng). Số tiền này, Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Lương Văn T theo quy định.

Hành vi của Đỗ Văn Ch đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 45/KSĐT - SH ngày 28/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo Đỗ Văn Ch về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch 30 (ba mươi) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 25/8/2017, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn Ch thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng, không oan. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 30 tháng tù là quá nặng, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Ch. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Áp dụng Điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự: Giữ nguyên hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho bị cáo Đỗ Văn Ch hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Do trong công việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn, làm ăn thất thoát và bị thua lỗ, không có tiền trả lương cho nhân công. Bị cáo Ch đã nảy sinh ý định lừa anh Lương Văn T. Với thủ đoạn hứa hẹn sẽ xin việc cho chị Lý Thị L1(vợ của anh T) vào công tác trong ngành giáo dục. Bị cáo đã nhận của anh T với tổng số tiền là 140.000.000,đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) để xin việc cho chị L1, ngoài ra bị cáo tự ý mang chiếc xe mô tô của anh T đi cầm đồ lấy số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Tuy nhiên, bị cáo không sử dụng số tiền trên để lo xin việc cho chị L1

mà dùng để trả nợ nhân công. Anh T đã nhiều lần yêu cầu bị cáo Ch trả lại tiền, nhưng bị cáo mới trả được cho gia đình T số tiền 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng), nên anh T đã làm đơn trình báo Công an thành phố C, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền và tài sản đã chiếm đoạt cho anh Lương Văn T. Xét thấy, Toà án nhân dân thành phố C kết luận bị cáo Đỗ Văn Ch phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đã xâm phạm quyền được sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Ch đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, đã khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 và điểm b điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù là có căn cứ và thỏa đáng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tuy nhiên, xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng:

- Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. (Tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS).

- Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. (Tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS).

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội từng là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, nhận thức và hiểu rõ các quy định của pháp luật, được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo Ch luôn tôn trọng các quy tắc của tổ khu phố, chấp hành nghiêm và chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo Ch chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý hành chính, bị xử lý kỷ luật lần nào. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo sức khỏe yếu và hai con còn trong độ tuổi đi học.

Xét thấy, bị cáo Đỗ Văn Ch được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt bị cáo Ch đi chấp hành hình phạt tù, thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối chiếu với Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Về việc: "Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo" thì bị cáo Đỗ Văn Ch đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự.

Do vậy, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 25/9/2017). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Việc thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn Ch không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB
- TAND thành phố C;
- Chi cục THA dân sự thành phố;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương